

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 14/5/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Việt H**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Văn X**

Bà **Đào Thị Đ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải H**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết L** – Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Xuân B, xã Quang T, huyện S, TP Hà Nội

- **Bị đơn:** Anh **Đỗ Văn H**, sinh năm 1994

HKTT: Thôn Gia L, xã Triệu L, huyện Hậu L, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Thôn Xuân B, xã Quang T, huyện S, TP. Hà Nội

Có mặt anh Th, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08.8.2019 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị Thiện trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh **Đỗ Văn H** có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang T, huyện S, thành phố Hà Nội ngày 09/12/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố mẹ chị tại thôn Xuân B, xã

Quang T, huyện S, TP Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu, đi đêm về hôm, chơi lô đề, vé số với số lượng lớn, chị không biết anh có trúng hay không. Khi uống rượu về thì thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Chị đã góp ý và khuyên anh H nhưng anh vẫn không thay đổi. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là: Đỗ Trà M, sinh ngày 07/9/2014 và Đỗ Hoàng B, sinh ngày 10/8/2016. Hiện nay các con đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị nuôi cả 02 con, không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập bình quân 5.500.000đ/tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10.02.2020 và trong quá trình xét xử bị đơn là anh Đỗ Văn H trình bày:**

-Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị Th có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2014, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang T, huyện S, thành phố Hà Nội ngày 09/12/2014.

Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng anh về sống chung cùng với bố mẹ chị Thiện tại thôn Xuân B, xã Quang T, huyện S, TP Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh ham chơi, không quan tâm lo lắng đến gia đình và vợ con, anh không để ý đến suy nghĩ của người khác, do vợ anh không nói ra nên anh không biết để thay đổi, đến khi vợ nói thì anh lại nói những câu nói xúc phạm vợ. Mặt khác anh có chơi lô đề dẫn đến nợ nần. Anh biết việc chơi lô đề, vay nợ là sai, anh đã thay đổi chơi nữa và đã trả hết nợ. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, sau khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân anh đã xin lỗi chị Th và gia đình vợ, anh mong muốn chị Th và gia đình cho anh có cơ hội để sửa sai và cho vợ chồng cơ hội để về đoàn tụ nuôi dạy con. Tại phiên tòa hôm nay anh xác nhận vẫn còn yêu và thương chị Th, việc chị Th là đơn xin ly hôn anh không đồng ý.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là: Đỗ Trà M, sinh ngày 07/9/2014 và Đỗ Hoàng B, sinh ngày 10/8/2016. Nếu ly hôn đặt ra. Nguyên vọng của anh đề nghị Tòa án xem xét giao cả 02 con cho anh hoặc

cho chị Th nuôi dưỡng chứ không tách các cháu ra vì anh không muốn ảnh hưởng đến sinh hoạt và tinh thần của các con. Về cấp dưỡng nuôi con xin tự giải quyết.

Hiện nay tôi làm công nhân của Công ty TNHH Thành Đạt Express trong Khu công nghiệp Nội Bài thu nhập bình quân hơn 6.500.000đ /tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th. Cho chị Th được ly hôn anh H.

+ Về con chung: Giao con chung là Đỗ Trà M, sinh ngày 07/9/2014 và Đỗ Hoàng B, sinh ngày 10/8/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi nào chị Th có yêu cầu hoặc có quyết định khác của Tòa án.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Chị Th, anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Th xin ly hôn anh H, hiện anh H cư trú tại thôn Xuân B, xã Quang T, huyện S, thành phố Hà Nội, căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện S thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Th kết hôn cùng anh Đỗ Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang T, huyện S, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyền số 01/2014 ngày 09/12/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham chơi cờ bạc, thường xuyên uống rượu về chửi bới vợ con, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh H vẫn không thay đổi. Tại phiên tòa

chị Th xác định không còn tình cảm với anh H và đề nghị giải quyết cho anh chị ly hôn. Anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị Th nên không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu của anh chị Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đều xuất phát từ phía anh H. Mặc dù anh xin được đoàn tụ nhưng bản thân anh không có biện pháp gì để khắc phục, cải thiện quan hệ vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung Đỗ Trà M, sinh ngày 07/9/2014 và Đỗ Hoàng B, sinh ngày 10/8/2016. Hiện nay các cháu đang ở với chị Th. Ly hôn anh H và chị Th đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, anh H đề nghị Tòa án không tách các cháu ra mà cho các cháu được ở cùng với nhau. Xét yêu cầu của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy. Việc chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên là trách nhiệm của cả bố và mẹ, tuy nhiên hiện nay các cháu còn nhỏ và hiện đang ở ổn định với chị Th nên để không xáo trộn cuộc sống của các con sau ly hôn Hội đồng xét xử giao cả 02 con cho chị Th nuôi dưỡng. Do chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi chị Th có yêu cầu hoặc có quyết định khác của Tòa án.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Cho chị Th được ly hôn anh H.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Trà M, sinh ngày 07/9/2014 và Đỗ Hoàng B, sinh ngày 10/8/2016 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, chị Th phải chịu. Được trừ vào số tiền 300.000đ chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018430 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

Chị Th, anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND H. S;
- THADS H. S;
- Tòa án Hà Nội;
- UBND xã Quang T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Việt H

